

**Bản án số: 135/2020/HSST
Ngày: 30-9-2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

Ông Đinh Ngọc Phú.

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 135/2020/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXX-TA ngày 16/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HS ngày 28/9/2020 đối với các bị cáo:

1. V H C, sinh năm 1982; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn N Kh, xã H Ph, huyện N S, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 5/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Vũ Hữu C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Chị L Th L.

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Nhân thân: Bản án số 18/2015/HSST ngày 25/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy - chấp hành xong hình phạt ngày 22/11/2016, nộp án phí ngày 25/3/2015.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 114/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. LV Th, sinh năm 1986; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ K, Xã H Ph, huyện N S, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông L V S (Đã chết) và Bà Đ Th Th.

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba.

Vợ: Chị H Th C.

Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền sự: Chưa.

Tiền án: Bản án số 05/2017/HSST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt 39 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 01/8/2019.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 117/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đ V Kh, sinh năm 1988; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn M B, xã Th T, huyện N S, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 5/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đ V Th và bà Ng Th K.

Gia đình có 03 anh em. Bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Chị Tr Th H.

Bị cáo có 03 con: lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: Chưa.

Tiền sự: Quyết định số 151/QĐ-XPHC ngày 08/10/2019 của Công an huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền: 1.500.000đ. Nộp phạt ngày 09/10/2019.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 116/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

4. Tr Đ T, sinh năm 1982; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn M, xã Q Ngh, huyện T K, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Tr C Ngh và bà M Th Q.

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba.

Vợ: Chị Ng Th Y

Bị cáo 04 con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2020

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 115/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Tr V B, sinh năm 1987; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ L, xã V H, huyện N Gi, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không.

Con Ông Tr V H và bà Ph Th M.

Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư.

Vợ: chị Ng Th U.

Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 121/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Ph T Đ, sinh năm 1998; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N Kh, xã H Ph, huyện N S, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Ph T Q và bà Ng Th H.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 126/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Ng Tr Đ, sinh năm 1991; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Ng L, xã T V, huyện Th H, H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Ng Tr Đ và bà Ng Th H.

Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 125/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. V Tr Th, sinh năm 1988; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn V X, xã V H, huyện N Gi, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông V Tr Th và bà Ph Th L.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 128/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. M V D, sinh năm 1994; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 3, xã Th X, huyện Th H, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông M V K và bà Tr Th T.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Chị Ng Th L O.

Bị cáo có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 118/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. L Đ Th, sinh năm 1993; Giới tính: nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn H X, xã Q Th, thành phố H D, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông L V Th và bà Đ Th L.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Chị Ng Th N H.

Bị cáo có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 119/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Ng H Đ, sinh năm 1987; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn A Gi, xã A S, huyện N S, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con Ông Ng H Đ và bà B Th B.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Chị Ng Th H.

Bị cáo có 02 con: Lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 120/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. V Đ L, sinh năm 1981; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn K X, xã C Đ, huyện C Gi, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 6/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông V Đ L và bà L Th Tr.

Gia đình có 04 anh em. Bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: chị Đ Th L.

Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 122/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

13. Ng V T sinh năm 1997; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Nhà số 7/2 L Q B, khu 4, phường Nh Ch, thành phố H D, H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Ng V Á và bà L Th H.

Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ 2.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 123/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

14. Đ V V, sinh năm 1991; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Th H, xã B L, huyện T K, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đ V M (đã chết) và bà Ng Th V.

Bị cáo là con duy nhất.

Vợ: Chị Ng Th Th.

Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 124/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

15. L Ng T, sinh năm 1999; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ K, xã H Ph, huyện N S, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông L Ng T và bà Ng Th D.

Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 127/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

16. Ph V Ch, sinh năm 1997; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số 2/212 Đ X, phường T M, thành phố H D, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Năm 2017 P V Ch là binh nhất được Tư Lệnh quân chủng phòng không - Không quân tặng giấy khen thành tích đạt giải nhất trong Hội thao kíp chiến đấu SCH Trung đoàn Ra đa.

Con ông Ph V T và bà Tr Th Ch.

Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 129/LCCT-TA ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

17. Ng V N, sinh năm 1991; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn L X, xã D Ch, huyện T K, tỉnh HD.

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Ng V Th và Bà Ng Th Kh.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Chị Ng Th Th.

Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2016, **con nhỏ sinh năm 2020.**

Tiền án, tiền sự: Chưa

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số **130/CCT-TA** ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng :**

1. Anh Ph H Ph, sinh năm 1984.

Trú tại: 29/60 Q Th, phường B H, thành phố Hải Dương.

2. Anh Ng V B, sinh năm 1985.

Trú tại: Q S, A L, huyện N S, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Tr X T1, sinh năm 1992.

Trú tại: A24, khu Chợ Mới T T, phường C Thg, TP. Hải Dương.

Anh Ph, anh B, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: V H C, L V Th, Đ V Kh, Tr Đ T, Ph T Đ , Tr V B, Ng Tr Đ, V Tr Th, M V D, Ng H Đ, L Đ Th, Đ V V, V Đ L, L Ng T, Ng V T, Ph V Ch, Ng V N đều là công nhân của Công ty may Trần An, địa chỉ số 49 đường Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 22/6/2020 T, Th, V, Đ ngồi chơi hút thuốc lá tại nhà vệ sinh nam của Công ty, thấy ở góc nhà vệ sinh có 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn nên cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa. T là người cầm cái để Th, V, Đ đặt cửa đánh bạc. Sau đó, lần lượt có C, Kh, Th, B, Đ, Th, Đ, L, T, T D, Ch, N đến cũng vào tham gia đánh bạc cùng.

Đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa là: Người cầm cái cho 04 quân vị bài vào đĩa sứ rồi úp bát lên sau đó xóc mấy cái. Những người tham gia đánh bạc đặt tiền cho mỗi lần chơi thấp nhất là 10.000 đồng, không giới hạn mức cao

nhất vào cửa chắn hoặc cửa lẻ. Người cầm cái mở bát ra nếu 2 hoặc 4 quân vị cùng màu (vàng hoặc đỏ) là chắn thì người đặt cửa chắn thắng. Nếu 1 hoặc 3 quân vị bài cùng màu (vàng hoặc đỏ) là lẻ thì người đặt cửa lẻ thắng. Người thắng được gấp đôi số tiền đã đặt, người thua mất số tiền đã đặt. Người cầm cái trả tiền cho người thắng nếu dư được hưởng, nếu thiếu phải tự bù.

Quá trình đánh bạc ban đầu T là người cầm cái sau đó C thay T cầm cái để cả nhóm tham gia đánh bạc. Khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày khi C, Th, Kh, T, B, Đ, Đ, Th, Th, Đ, L, T, T, V, D, Ch, N đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương phát hiện bắt quả tang, thu giữ dụng cụ dùng để đánh bạc gồm 01 bát sứ màu trắng đường kính khoảng 10cm, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính khoảng 14cm; 04 quân vị hình tròn được cắt từ bìa, một mặt màu vàng, một mặt màu đỏ và số tiền 7.460.000 đồng tại chiếu bạc. Ngoài ra còn thu giữ trong ví của Ng V N số tiền là 270.000đ (số tiền này N xác định không dùng để đánh bạc). Quá trình bắt giữ có sự chứng kiến của các anh Tr X T1, Ng V B, Ph H Ph.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: C sử dụng 3.000.000đ khi bị bắt có 3.140.000đ; Đ sử dụng 160.000đ khi bị bắt có 300.000đ; T sử dụng 300.000đ khi bị bắt có 90.000đ; Kh sử dụng 580.000đ khi bị bắt có 500.000đ; Th sử dụng 500.000đ khi bị bắt có 660.000đ; D sử dụng 600.000đ khi bị bắt có 1.560.000đ; Th sử dụng 110.000đ khi bị bắt có 110.000đ; V sử dụng 200.000đ khi bắt có 100.000đ; T sử dụng 200.000đ khi bị bắt có 200.000đ; B sử dụng 250.000đ khi bị bắt có 150.000đ; Đ sử dụng 180.000đ khi bị bắt có 170.000đ; L sử dụng 250.000đ khi bị bắt có 210.000đ; T sử dụng 150.000đ khi bị bắt có 70.000đ; Đ sử dụng 430.000đ khi bị bắt có 200.000đ; Ch sử dụng 100.000đ, Th sử dụng 100.000đ, N sử dụng 10.000đ khi bị bắt đều thua hết.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thu giữ vật chứng gồm: 01 đĩa sứ; 01 bát sứ; 04 quân vị hình tròn có 01 màu vàng- đỏ, 01 phong bì niêm phong bên trong có số tiền 7.460.000đ; 01 phong bì niêm phong bên trong có số tiền 270.000đ.

Tại Cáo trạng số 134/CT- VKSTPHD ngày 14/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D-ong, tỉnh Hải D-ong truy tố các bị cáo V H C, L V Th, Đ V Kh, Tr Đ T, Ph T Đ , Tr V B, Ng Tr Đ, V Tr Th, M V D, Ng H Đ, L Đ Th, Đ V V, V Đ L, L Ng T, Ng V T, Ph V Ch, Ng V N về tội "Đánh bạc".

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình bị cáo C, Kh, Th đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo khác xin đ- ọc cải tạo tại địa ph- ơng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D- ơng, tỉnh Hải D- ơng thực hành quyền công tố tại phiên toà, phát biểu luận tội và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo V H C, L V Th, Đ V Kh, Tr Đ T, Ph T Đ , Tr V B, Ng Tr Đ, V Tr Th, M V D, Ng H Đ, L Đ Th, Đ V V, V Đ L, L Ng T, Ng V T, Ph V Ch, Ng V N phạm tội "Đánh bạc".

*. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo V H C).

1. Xử phạt bị cáo V H C từ 07 tháng đến 09 tháng tù (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo L V Th).

2. Xử phạt bị cáo L V Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo Đ V Kh).

3. Xử phạt bị cáo Đ V Kh từ 06 tháng đến 09 tháng tù (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo Tr Đ T).

4. Xử phạt bị cáo Tr Đ T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2020.

Giao bị cáo cho UBND xã Q Ngh, huyện T K, tỉnh HD và gia đình theo dõi giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

*. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo Tr V B).

5. Xử phạt bị cáo Tr V B từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020 quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày đến 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã V H, huyện N Gi, tỉnh Hải Dương, nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Tr V B nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

*. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo Ph T Đ).

6. Xử phạt bị cáo Ph T Đ từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020 quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày đến 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã H Ph, huyện N S, tỉnh Hải Dương, nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Ph T Đ nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Tr V B cho UBND xã V H, huyện N Gi, tỉnh Hải Dương và bị cáo Ph T Đ cho UBND xã H Ph, huyện N S, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục bị cáo B, bị cáo Đ trong thời gian các bị cáo chấp hành cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

*. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo Ng Tr Đ, V Tr Th, M V D, L Đ Th, Ng H Đ).

+ Áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Ng H Đ.

7. Xử phạt bị cáo V Tr Th từ 22.000.000đ đến 25.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

8. Xử phạt bị cáo Ng Tr Đ từ 22.000.000đ đến 25.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

9. Xử phạt bị cáo M V D từ 22.000.000đ đến 25.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

10. Xử phạt bị cáo L Đ Th từ 22.000.000đ đến 25.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

11. Xử phạt bị cáo Ng H Đ từ 22.000.000đ đến 25.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

*Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo Ng V T, V Đ L, L Ng T, Đ V V, Ph V Ch, Ng V N).

Áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Ph V Ch.

12. Xử phạt bị cáo Ng V T từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

13. Xử phạt bị cáo V Đ L từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

14. Xử phạt bị cáo L Ng T từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

15. Xử phạt bị cáo Đ V V từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

16. Xử phạt bị cáo Ph V Ch từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

17. Xử phạt bị cáo Ng V N từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo C, Th, Kh, T, Đ, B.

- **Về vật chứng:** □p dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a; b; c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà n- ớc 7.460.000đ tiền các bị cáo dùng đánh bạc.

+ Trả lại bị cáo N 270.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 04 quân vị hình tròn có một màu vàng- đỏ; 01 đĩa sứ, 01 bát sứ đã qua sử dụng.

- Về án phí: □p dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo C, Th, Kh đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Các bị cáo T, Đ, B, Đ, Th, D, L, Th, V, Ch, N xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, phù hợp lời khai của các bị cáo, biên bản phạm tội quả tang. Tòa án nhận thấy như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 12 giờ 10 phút ngày 22/6/2020, tại khu nhà vệ sinh nam của Công ty may Trần An, địa chỉ số 49 đường Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, thành phố, Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Các bị cáo V H C, L V Th, Đ V Kh, Tr Đ T, Ph T Đ, Tr V B, Ng Tr Đ, V Tr Th, M V D, Ng H Đ, L Đ Th, Đ V V, V Đ L, L Ng T, Ng V T, Ph V Ch, Ng V N đang đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương phát hiện bắt quả tang, thu giữ dụng cụ dùng để đánh bạc 04 quân vị hình tròn có một màu vàng- đỏ; 01 đĩa sứ, 01 bát sứ đã qua sử dụng và tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 7.460.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) và số tiền thu giữ của N 270.000đ, Nam xác định không dùng vào đánh bạc.

Hành vi các bị cáo đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa phạt nhau bằng tiền là hành vi vi phạm pháp luật. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nh- ng vì mục đích vụ lợi, ham chơi nên các bị cáo cố ý thực hiện hành vi vi phạm. Do vậy hành vi đánh bạc của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo là đúng ng- ời, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố Hải Dương và là nguyên nhân nảy sinh các tội phạm khác. Việc Tòa án đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết bị cáo C đã bị xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã xóa án), bị cáo Th có 01 tiền án về tội Cướp giật tài sản, bị cáo Kh có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc, các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nay phạm tội tiếp cần có mức hình phạt tù nghiêm đối với các bị cáo C, Th, Kh và có hình phạt tương xứng với các bị cáo khác nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy không có sự chuẩn bị phân công nhiệm vụ từ trước- nh- ng cần đánh giá vai trò, vị trí, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

Trong vụ án này, không xác định được người đề xuất, rủ rê, người chuẩn bị công cụ phạm tội, các bị cáo đồng phạm tội đánh bạc. Thời gian các bị cáo đánh bạc ngắn, số tiền các bị cáo dùng đánh bạc ít. Bị cáo C, T là người cầm

cái, bị cáo Cảnh có số tiền dùng đánh bạc nhiều nhất 3.000.000đ nên có vai trò như nhất. Bị cáo Th có 01 tiền án chưa xóa án, bị cáo Kh có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc nên bị cáo Th sau bị cáo C, sau bị cáo Th là bị cáo Kh, bị cáo T dùng 300.000đ đánh bạc do vậy bị cáo T sau bị cáo Kh, sau bị cáo T là các bị cáo có vai trò là người thực hành gồm: bị cáo B, Đ, Đ, Thời, D, Th, Đ, L, T, V, T, Ch, N.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Th có 01 tiền án tại bản án số 05/2017/HSST ngày 21/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo 39 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 01/8/2019. Ngày 22/6/2020 bị cáo lại phạm tội tiếp tội Đánh bạc do vậy bản án trên chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà và tại cơ quan điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo V H C, L V Th, Đ V Kh, Tr Đ T, Ph T Đ, Tr V B, Ng Tr Đ, V Tr Th, M V D, Ng H Đ, L Đ Th, Đ V V, V Đ L, L Ng T, Ng V T, Ph V Ch, Ng V N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo T, Đ, B, Đ, Th, Th, D, Đ, L, T, V, T, Ch, N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Ch được tặng giấy khen của Tư lệnh quân chủng phòng không không quân và Chính ủy trung đoàn 293 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Tr Đ T có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo Ng H Đ có bố đẻ được tặng Huân chương chiến công hạng ba, bị cáo LV Th có bố đẻ là thương binh $\frac{3}{4}$ nên các bị cáo T, Th, Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Bị cáo C, Th, Kh có nhân thân xấu, bị cáo Thuận đã bị xét xử hình phạt tù nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân do vậy cần phải có hình phạt nghiêm áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo C, Th, Kh nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Các bị cáo T, bị cáo Đ, B có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS và thời gian các bị cáo tham gia đánh bạc ngắn, số tiền đánh bạc ít nên không nhất thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng phạt cải tạo tại địa phương

đối với bị cáo T theo Điều 65 BLHS; bị cáo B, Đ theo Điều 36 BLHS cũng đủ giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện tính nhân đạo pháp luật.

Đối với các bị cáo Đ, Th, D, Th, Đ, V, L, T, T, Ch, N có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS và thời gian các bị cáo tham gia đánh bạc ngắn, số tiền đánh bạc ít nên phạt tiền các bị cáo cũng đủ giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo C, Th, Kh, T, Đ, B nghề nghiệp chưa ổn định không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng:

- Số tiền thu trong người các bị cáo và thu tại chiếu bạc 7.460.000đ là tiền các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn cắt từ bìa có một màu vàng- đỏ đã qua sử dụng là công cụ thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của N 270.000đ, Nam khai không dùng tiền đánh bạc nên trả lại cho bị cáo N 270.000đ nhưng tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với các anh Ph H Ph; Ng V B; Tr X T1; không tham gia đánh bạc, không giúp sức cho các bị cáo đánh bạc và không hưởng lợi từ việc đánh bạc nên không đề cập xử lý là phù hợp pháp luật.

[9] Án phí: Các bị cáo phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu lệ phí, án phí Tòa án.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí tòa án (đối với bị cáo C).

Tuyên bố bị cáo V H C phạm tội "Đánh bạc".

1- Xử phạt bị cáo V H C **06** (sáu) tháng tù (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí tòa án (đối với bị cáo L V Th).

Tuyên bố bị cáo L V Th phạm tội "Đánh bạc".

2. Xử phạt bị cáo L V Th **08** (tám) tháng tù (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí tòa án (đối với bị cáo Đ V Kh).

Tuyên bố bị cáo Đ V Kh phạm tội "Đánh bạc".

3. Xử phạt bị cáo Đ V Kh **06** (sáu) tháng tù (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí tòa án (đối với bị cáo Tr Đ T).

Tuyên bố bị cáo Tr Đ T phạm tội "Đánh bạc".

4. Xử phạt bị cáo Tr Đ T **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2020.

Giao bị cáo cho UBND xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương và gia đình theo dõi giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí tòa án (đối với bị cáo Tr V B).

Tuyên bố bị cáo Tr V B phạm tội “Đánh bạc”.

5. Xử phạt bị cáo Tr V B 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020 quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo B còn phải chấp hành **08 (tám) tháng 21 (hai mươi một)** ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã V H huyện N Gi tỉnh Hải Dương, nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Tr V B nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí tòa án (đối với bị cáo Ph T Đ).

Tuyên bố bị cáo Ph T Đ phạm tội “Đánh bạc”.

6. Xử phạt bị cáo P T Đ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/6/2020 quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Đ còn phải chấp hành **08 (tám) tháng 21 (hai mươi một)** ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã H Ph, huyện N S, tỉnh Hải Dương, nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng của bị cáo Ph T Đ nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Tr V B cho UBND xã V H, huyện N Gi, tỉnh Hải Dương và bị cáo Ph T Đ cho UBND xã H Ph, huyện N S tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục bị cáo B, bị cáo Đ trong thời gian các bị cáo chấp hành cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35; Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí tòa án (đối với bị cáo Ng Tr Đ, V Tr Th).

Tuyên bố các bị cáo Ng Tr Đ, V Tr Th phạm tội “Đánh bạc”.

7. Phạt bị cáo Ng Tr Đ 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

8. Phạt bị cáo V Tr Th 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35; Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Toà án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí toà án (đối với các bị cáo M V D, Ng H Đ, L Đ Th).

- Căn cứ khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Ng H Đ.

Tuyên bố các bị cáo M V D, Ng H Đ, L Đ Th phạm tội “Đánh bạc”.

9. Phạt bị cáo M V D 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

10. Phạt bị cáo Ng H Đ 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

11. Phạt bị cáo L Đ Th 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35; Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Toà án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí toà án (đối với các bị cáo Ng V T, V Đ L, L Ng T, Đ V V).

Tuyên bố các bị cáo Ng V T, V Đ L, L Ng T, Đ V V phạm tội "Đánh bạc".

12. Phạt bị cáo Ng V T 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

13. Phạt bị cáo V Đ L 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

14. Phạt bị cáo L Ng T 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

15. Phạt bị cáo Đ V V 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35; Điều 17; Điều 58 BLH; Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Toà án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí toà án (đối với bị cáo Ph V Ch, Ng V N).

- Căn cứ khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Ph V Ch.

Tuyên bố các bị cáo Ph V Ch, Ng V N phạm tội “Đánh bạc”.

16. Phạt bị cáo Ph V Ch 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

17. Phạt bị cáo Ng V N 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng: □p dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a; b; c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 7.460.000đ (bảy triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) được đựng trong 01 (một) phong bì số 1371A.

+ Trả lại bị cáo Ng V N 270.000đ (hai trăm bảy mươi ngàn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án được đựng trong 01 (một) phong bì số 1371B.

+ Tịch thu tiêu hủy 04 (bốn) quân vị hình tròn bằng giấy bìa một mặt màu đỏ, một mặt màu vàng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính miệng 14cm; 01 bát sứ màu trắng đường kính miệng 10cm.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 25/9/2020).

- Án phí: Buộc các bị cáo V H C, L V Th, Đ V Kh, Tr Đ T, Ph T Đ, Tr V B, Ng Tr Đ, V Tr Th, M V D, Ng H Đ, L Đ Th, Đ V V, V Đ L, L Ng T, Ng V T, Ph V Ch, Ng V N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Hải Dương;

- VKSND Tp. Hải Dương;

- CQCSĐT Công an TP. Hải Dương;

- CQTHA hình sự CA tỉnh Hải Dương;

- Các Bị cáo;

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;

- Chi cục THA Tp. Hải Dương;

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

